BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐH NGUYỄN TẤT THÀNH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 8 tháng 9 năm 2014

QUY CHẾ
Về việc học vụ tổ chức đào tạo,kiểm tra và công nhận tốt nghiệp Đại học, Cao đẳngchuyên nghiệp, Cao đẳng nghề theo học chế tín chỉ

(Ban hành kèm theo Quyết định số:388/ QĐ-NTT ngày 8 tháng 9 năm 2014
Áp dụng cho bậc Đại học, Cao đẳng chuyên nghiệp và Cao đẳng nghề)

Chương I

NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Mục tiêu đào tạo và quy chế đào tạo theo hệ thống tín chỉ

1. Mục tiêu đào tạo bậc Đại học

+ Theo hệ thống giáo dục quốc dân Việt nam, bậc Đại học gồm hai cấp là cấp Đại học và cấp Cao đẳng. *Trong văn bản này thống nhất gọi tắt là bậc Đại học.*
+ Bậc Đại học nhằm đào tạo ra những cán bộ khoa học kỹ thuật và quản lý kinh tế, có phẩm chất chính trị, đạo đức, có ý thức cộng đồng, có kiến thức và năng lực thực hành nghề nghiệp, có sức khỏe, đáp ứng yêu cầu xây dựng và bảo vệ Tổ quốc.

2. Quy chế đào tạo theo hệ thống tín chỉ

+ Quy chế đào tạo theo hệ thống tín chỉ là tập hợp những quy định về phương thức đào tạo thực hiện theo hình thức tích luỹ tín chỉ; trong đó sinh viên chủ động lựa chọn học từng học phần (tuân theo một số ràng buộc được quy định trước) nhằm tích lũy từng phần kiến thức và tiến tới hoàn thành toàn bộ chương trình đào tạo để được cấp văn bằng tốt nghiệp.
+ Trên cơ sở chương trình đào tạo, quy chế đào tạo theo hệ thống tín chỉ tạo điều kiện tối đa cho sinh viên phát huy tích cực, chủ động, sáng tạo trong việc đăng ký khối lượng kiến thức tích lũy trong từng học kỳ, sắp xếp lịch học, việc tích lũy các học phần, kể cả sắp xếp thời gian học ở trường, thời gian tốt nghiệp, ra trường.
+ Quy chế này cũng tạo điều kiện để sinh viên tích cực, chủ động thích ứng với quy trình đào tạo để đạt được những kết quả tốt nhất trong học tập, rèn luyện.

Điều 2. Chương trình đào tạo

1. Chương trình đào tạo thể hiện: mục tiêu giáo dục, quy định chuẩn kiến thức, kỹ năng, phạm vi và cấu trúc nội dung, phương pháp, hình thức và thời gian đào tạo, cách thức đánh giá kết quả đào tạo đối với mỗi học phần, ngành học, trình độ đào tạo của Giáo dục đại học.

   Mỗi chương trình có thể gắn với một ngành (kiểu đơn ngành) hoặc với một vài ngành đào tạo (kiểu song ngành hoặc kiểu ngành chính - ngành phụ).
2. Chương trình được cấu trúc từ các học phần thuộc hai khối kiến thức: Giáo dục đại cương và Giáo dục chuyên nghiệp.

+ Khối kiến thức giáo dục đại cương gồm: các học phần thuộc các lĩnh vực khoa học xã hội, khoa học nhân văn và khoa học tự nhiên. Khối này trang bị tri thức cho người học về tự nhiên, xã hội và con người, về phương pháp tư duy, phương pháp nhận thức, phương pháp hành động để từ đó hình thành cho người học thế giới quan khoa học và nhân sinh quan của thời đại.
+ Khối kiến thức giáo dục chuyên nghiệp gồm: nhóm kiến thức cơ sở (kiến thức cơ sở của ngành hoặc liên ngành) và nhóm kiến thức chuyên ngành nhằm cung cấp cho người học những kiến thức và kỹ năng nghề nghiệp cơ bản cần thiết.
+ Mỗi khối kiến thức đều được cấu trúc bởi 2 phần: phần bắt buộc và phần tự chọn.
+ Các học phần trong chương trình đào tạo được sắp xếp theo trình tự nhất định vào từng học kỳ của khóa đào tạo. Đây là trình tự học mà nhà trường khuyến cáo sinh viên nên tuân theo để thuận lợi nhất cho việc tiếp thu kiến thức.
+ Trường thực hiện chương trình đào tạo với khối lượng của mỗi chương trình :
  - Đối với Đại học dươc đào tạo 5 năm 200 Tín chỉ, Đại Y 6 năm 240 tín chỉ (trong đó có 24 tín chỉ tiếng anh tăng cường) đại học các ngành khác đào tạo 4 năm 160 TC (trong đó có 24 tín chỉ tiếng anh tăng cường)
  - Đối với cao đẳng đào tạo 3 năm 120 TC (trong đó có 12 tín chỉ tiếng anh)

Điều 3. Học phần và tín chỉ

1. Học phần là khối lượng kiến thức tương đối trọn vẹn, thuận tiện cho người học tích luỹ trong quá trình học tập. Học phần có khối lượng từ 1- 5 tín chỉ, được bố trí giảng dạy trọn vẹn và phân bố đều trong một học kỳ. Kiến thức trong mỗi học phần phải gắn với một mức trình độ theo năm học. Nội dung của một học phần có thể là một lượng kiến thức độc lập, tương đối trọn vẹn hoặc được kết cấu dưới dạng tổ hợp từ nhiều học phần nhỏ hơn. Từng học phần được ký hiệu bằng một mã riêng.
2. Có hai loại học phần: học phần bắt buộc và học phần tự chọn.

+ Học phần bắt buộc là học phần chứa đựng những nội dung kiến thức chính yếu của mỗi chương trình và bắt buộc sinh viên phải tích lũy để đảm bảo mặt bằng trình độ đào tạo chung của mọi sinh viên ở một cấp hoặc một hệ đào tạo.
+ Học phần tự chọn là học phần chứa đựng những nội dung kiến thức cần thiết nhưng sinh viên được tự chọn theo hướng dẫn của nhà trường nhằm đa dạng hoá hướng chuyên môn hoặc được tự chọn tuỳ ý để tích luỹ đủ số học phần quy định cho mỗi chương trình.

3. Tín chỉ (TC) là đơn vị dùng để đo khối lượng kiến thức trong chương trình đào tạo, đồng thời là đơn vị dùng để đánh giá khối lượng học tập của sinh viên dựa trên số lượng tín chỉ đã tích lũy được.

+ Một tín chỉ được quy định bằng 15 tiết lý thuyết. Để tiếp thu được 1 tiết lý thuyết, sinh viên cần ít nhất 2 tiết chuẩn bị cá nhân. Cứ 30 tiết thảo luận, bài tập, thực hành, thí nghiệm hoặc 45 tiết thực tập, kiến tập, làm chuyên đề, đồ án, khoá luận tốt nghiệp, 60 giờ thực tập tại cơ sở thì được tính tương đương 1 tín chỉ.

+ Đối với những học phần lý thuyết hoặc thực hành, thí nghiệm, để tiếp thu được một tín chỉ sinh viên phải dành ít nhất 30 giờ chuẩn bị cá nhân.
+ Một tiết học lý thuyết, thực hành có thời lượng 45 phút.

4. Học phần tiên quyết là học phần mà sinh viên bắt buộc phải tích luỹ (đạt yêu cầu) mới đủ điều kiện để tiếp thu kiến thức học phần sau.
   Ví dụ: Học phần A là tiên quyết của học phần B, điều kiện bắt buộc để đăng ký học học phần B là sinh viên đã học hoàn tất học phần A và kết quả đạt yêu cầu.
5. Học phần trước là học phần mà sinh viên phải học xong (có thể chưa đạt) mới có điều kiện học tiếp học phần sau.
   Ví dụ: Học phần A là học phần trước của học phần B, điều kiện bắt buộc để đăng ký học học phần B là sinh viên được xác nhận học xong học phần A.
6. Học phần song hành là những học phần diễn ra trong cùng một thời gian.
   Ví dụ: Học phần A là học phần song hành với học phần B, điều kiện bắt buộc để đăng ký học học phần B là sinh viên đã đăng ký học phần A. Sinh viên được phép đăng ký học phần B vào cùng học kỳ đã đăng ký học phần A hoặc vào các học kỳ tiếp sau.
7. Học phí tín chỉ
   Học phí tín chỉ được xác định căn cứ theo chi phí của các hoạt động giảng dạy học tập, cơ sở vật chất tính cho một tín chỉ. Học phí thu theo học kỳ được xác định theo số tín chỉ mà sinh viên đã đăng ký học trong học kỳ đó. Mức học phí do Hiệu trưởng quy định cho từng bậc học và từng hệ đào tạo theo từng năm học (Có quy định riêng).
   Điều 4. Các hệ đào tạo và thời gian đào tạo

1. Các hệ đào tạo: Trường ĐH Nguyễn Tất Thành đào tạo đa cấp, đa hệ với đầu vào của các cấp, các hệ khác nhau và thời gian đào tạo của các cấp, các hệ cũng khác nhau:

+ Hệ đại học được thực hiện 4 năm đối với người có bằng tốt nghiệp trung học phổ thông hoặc tương đương đã trúng tuyển trong kỳ thi quốc gia tuyển sinh Đại học – Cao đẳng chuyên nghiệp. riêng ngành dươc 5 năm, Ngành y 6 năm
+ Hệ đại học liên thông 3 năm được thực hiện đối với người có bằng tốt nghiệp trung cấp cùng ngành đào tạo và đã trúng tuyển trong kỳ thi tuyển sinh của nhà trường, riêng ngành Dược là 4 năm;
+ Hệ đại học liên thông 1,5 năm được thực hiện đối với người có bằng tốt nghiệp Cao đẳng chuyên nghiệp và Cao đẳng vừa làm vừa học (gọi chung là Cao đẳng) cùng ngành đào tạo và đã trúng tuyển trong kỳ thi tuyển sinh của nhà trường; riêng ngành dươc, ngành y là 2,5 năm;
+ Hệ đại học vừa làm vừa học được thực hiện 5 năm đối với người có bằng tốt nghiệp trung học phổ thông hoặc tương đương đã trúng tuyển trong kỳ thi tuyển sinh của nhà trường;
+ Hệ Cao đẳng chuyên nghiệp 3 năm được thực hiện đối với người có bằng tốt nghiệp trung học phổ thông hoặc tương đương đã trúng tuyển trong kỳ thi quốc gia tuyển sinh Cao đẳng chuyên nghiệp;

2. Hệ Cao đẳng chuyên nghiệp liên thông 1,5 năm và Cao đẳng vừa làm vừa học liên thông 1,5 năm được thực hiện đối với người có bằng tốt nghiệp trung cấp chuyên

nghiệp và Trung cấp nghề (gọi chung là Trung cấp) cùng ngành đào tạo và đã trúng tuyển trong kỳ thi tuyển sinh của nhà trường; riêng ngành dược, ngành y là 2 năm;

3. Thời gian của khóa đào tạo

a. Thời gian kế hoạch của một khóa đào tạo là thời gian cần thiết cho những sinh viên bình thường hoàn thành chương trình học tập của mình để được cấp bằng tốt nghiệp.

b. Thời gian tối đa và tối thiểu:

+ Trong đào tạo theo hệ thống tín chỉ, mỗi sinh viên tùy theo điều kiện kinh tế, sức khỏe, năng lực… của bản thân mà có thể đăng ký học kéo dài hoặc rút ngắn so với thời gian kế hoạch. Tuy nhiên thời gian kéo dài và rút ngắn chỉ được giới hạn trong phạm vi cho phép.
+ Thời gian tối đa và tối thiểu của một khóa đào tạo là thời gian dài nhất và ngắn nhất mà mỗi sinh viên được phép đăng ký để hoàn thành khóa học của riêng mình.
+ Thời gian kế hoạch, thời gian tối đa và tối thiểu đối với các hệ khác nhau được quy định cụ thể trong bảng 1 dưới đây:

Bảng 1

Hệ đào tạo	Thời gian kế hoạch		Thời gian tối đa		Thời gian tối thiểu	
	Số năm	Số h. kỳ	Số năm	Số h.kỳ	Số năm	Số h.kỳ
ĐH Chính quy	4	12	6	18	3	9
ĐH Y CQ	6	18	8	24	5	15
ĐH Dược CQ	5	15	7	21	4	12
ĐH VLVH	5	15	6,5	20	3,5	11
ĐH liên thông 3 năm (TCLT lên ĐH)	3	9	5	15	2	6
ĐH LT dược 4 năm (TC LT lên ĐH)	4	12	6	18	3	9
ĐH liên thông 1,5 năm	1,5	5	3	9	1	3
ĐHLT dược 2,5 năm (CĐLT lên ĐH)	2	6	3	9	1,5	5
CĐ chính quy	3	9	5	15	2	6
CĐ liên thông 2 năm	2	6	3	9	1,5	5
CĐ liên thông 1,5 năm	1,5	5	3	9	1	3

+ Các đối tượng chính sách được hưởng chế độ ưu tiên thì thời gian tối đa để hoàn thành một khóa đào tạo của tất cả các hệ đều được cộng thêm một năm.
+ Các học kỳ được phép tạm dừng học và các học kỳ học ở trường khác trước khi chuyển về trường Đại học Nguyễn Tất Thành (nếu được hai trường công nhận chất lượng đào tạo của nhau) đều được tính chung vào thời gian tối đa này.

4. Thời gian của mỗi học kỳ: Thời gian của mỗi học kỳ là 15 tuần, trong đó có 10 tuần thực học, 1 tuần dự trữ, 2 tuần ôn thi, 2 tuần thi. Riêng đối với các học phần thực hành, thời gian thực học là 12 tuần.

Điều 5. Đánh giá kết quả học tập

Kết quả học tập của sinh viên được đánh giá qua ba tiêu chí: điểm trung bình chung học kỳ (ĐTBCHK), khối lượng kiến thức tích lũy và điểm trung bình chung tích lũy (ĐTBCTL).

1. *ĐTBCHK của học kỳ thứ k nào đó thể hiện kết quả phấn đấu của sinh viên trong học kỳ đó.* Về trị số, nó là trung bình cộng của *các điểm tổng kết học phần bao gồm tất cả các học phần đã học trong học kỳ đó*. ĐTBCHK của học kỳ thứ k nào đó được ký hiệu là $(ĐTBCHK)_k$ và được tính theo công thức:

$$(ĐTBCHK)_k = \frac{\sum_{i=1}^{n} m_i . j_i}{\sum_{i=1}^{n} j_i} \qquad (1)$$

Trong đó:

- k là số thứ tự của học kỳ trong toàn khóa học;
- n là số học phần mà sinh viên đã đăng ký học;
- m_i là điểm số của học phần thứ i;
- j_i là số tín chỉ của học phần thứ i (trọng số).

2. Khối lượng kiến thức tích luỹ: là khối lượng tính bằng số tín chỉ của các học phần đã được đánh giá bằng các điểm chữ A, B, C, D tính từ đầu khoá học.

Ví dụ: Trong khóa học sinh viên đã học 24 học phần tính đến thời điểm đang học, nếu đã có 20 học phần đạt điểm A, B, C, D thì khối lượng kiến thức tích lũy là 20 học phần, 4 học phần còn lại phải nhận điểm F (nghĩa là không đạt yêu cầu sinh viên phải học lại học phần đó).

Khối lượng kiến thức tích lũy là tiêu chí để xác định năm đào tạo của sinh viên (năm đào tạo của sinh viên được xác định chi tiết tại điều 14).

3. *ĐTBCTL đến học kỳ thứ k* nào đó phản ánh kết quả phấn đấu của sinh viên kể từ khi bắt đầu vào học cho đến thời điểm kết thúc học kỳ thứ k. Về trị số, nó là trung bình cộng của tất cả *các điểm học phần đã tích lũy* (tức là các học phần được đánh giá là đạt các điểm chữ A,B,C,D) tính đến thời điểm kết thúc học phần thứ k, được làm tròn đến một số thập phân, được ký hiệu là $(ĐTBCTL)_k$ và được tính theo công thức sau:

$$(ĐTBCTL)_k = \frac{\sum_{i=1}^{n} m_i . j_i}{\sum_{i=1}^{n} j_i} \qquad (2)$$

Trong đó:

- k là số thứ tự của học kỳ mà ta đang khảo sát;
- n là số học phần mà sinh viên đã tích lũy được;
- m_i là điểm số của học phần thứ i đã tích lũy;
- j_i là số tín chỉ của học phần thứ i đã tích lũy (trọng số).

Cách tính ĐTBCHK và ĐTBCTL được trình bày chi tiết trong chương III

Chương II

TỔ CHỨC ĐÀO TẠO

Điều 6. Đăng ký nhập học

1. Sinh viên trúng tuyển kỳ thi tuyển sinh khi nhập học phải nộp cho phòng thanh tra giáo dục và quản lý học sinh, sinh viên (P.TTGD & QLHSSV) các hồ sơ sau:

+ Giấy báo trúng tuyển;
+ Hồ sơ sinh viên đã được ghi đầy đủ các mục đã in sẵn và có xác nhận của chính quyền địa phương (theo mẫu thống nhất toàn quốc của Bộ GD & Đào Tạo);
+ Bản sao bằng tốt nghiệp THPT hoặc tương đương (THBT, TCCN, TC nghề hoặc bằng tốt nghiệp Cao đẳng, Đại học,…);
+ Bản sao học bạ, bảng điểm, mà sinh viên đã theo học;
+ 4 tấm hình 3x4;
+ Giấy chuyển sinh hoạt Đảng, sinh hoạt Đoàn (nếu có).

2. Chỉ khi sinh viên đã hoàn thành đầy đủ các thủ tục nhập học, nộp học phí và các khoản thu khác (nếu có) theo quy định của nhà trường, mới được công nhận là sinh viên chính thức của trường và được cấp thẻ sinh viên.
3. Mọi thủ tục đăng ký nhập học phải được hoàn thành trước ngày khai giảng khóa học theo kế hoạch của nhà trường, sinh viên nộp hồ sơ trễ theo quy định xem như tự ý bỏ học. Những trường hợp đặc biệt nếu vì lý do khách quan sẽ được xem xét giải quyết.
4. Sinh viên nhập học phải được phòng Đào tạo, các khoa cung cấp đầy đủ các thông tin về mục tiêu, nội dung và kế hoạch học tập của các chương trình đào tạo; quy chế đào tạo, niên giám, sổ tay sinh viên, giáo dục định hướng.
5. Hồ sơ nhập học của sinh viên sẽ do phòng thanh tra giáo dục quản lý trong suốt khóa học.

Điều 7. Tổ chức lớp học;

Có hai hình thức tổ chức lớp: Lớp học phần và lớp sinh viên:

1. Lớp học phần là lớp học được tổ chức theo từng học phần dựa trên kết quả đăng ký khối lượng học tập của SV ở từng học kỳ, trong cùng thời điểm. Mỗi lớp học phần được gán một mã số riêng. Số lượng sinh viên của một lớp học phần được giới hạn bởi sức chứa của phòng học hoặc phòng thí nghiệm. Nếu số lượng sinh viên đăng ký thấp hơn chuẩn tối thiểu thì lớp học sẽ không được tổ chức và sinh viên phải đăng ký chuyển sang học phần khác có lớp, nếu chưa đảm bảo đủ quy định về khối lượng học tập tối thiểu cho mỗi học kỳ như quy định tại khoản 2 điều 10 của Quy chế này.

a. Số lượng sinh viên tối thiểu để xem xét mở lớp học phần trong học kỳ đối với các học phần lý thuyết là:

+ Ít nhất 70 sinh viên cho các học phần cơ bản, cơ sở của các nhóm ngành lớn và 50 sinh viên đăng ký cho các học phần khác;
+ Trong trường hợp các học phần chuyên ngành, nếu có đề nghị của khoa quản lý ngành, trường sẽ xem xét để mở các lớp có sĩ số dưới 50 sinh viên;

+ Học phần anh văn chuyên ngữ và không chuyên, sĩ số mở lớp là 40 sinh viên
+ Học phần lớp chất lượng cao, chương trình tiên tiến , chương trình Quốc tế sĩ số mở lớp từ 35 - 40 sinh viên;

b. Số lượng sinh viên để xem xét mở lớp học phần trong học kỳ đối với các học phần thí nghiệm, thực hành được xác định theo khả năng sắp xếp đảm nhận của đơn vị đào tạo. Mỗi lớp học phần có thể được biên chế thành một hoặc một số nhóm thảo luận (seminar group) tùy theo số lượng sinh viên của lớp. Mỗi nhóm thảo luận đều có nhóm trưởng. Việc tổ chức nhóm thảo luận và các nhóm trưởng do giảng viên giảng dạy học phần quyết định.

2. Lớp sinh viên và cố vấn học tập

+ Lớp sinh viên là lớp được tổ chức cho sinh viên cùng khóa để duy trì các sinh hoạt chính trị, xã hội của tập thể sinh viên ngoài giờ lên lớp theo lớp học phần như: xét khen thưởng, kỷ luật, bình xét điểm rèn luyện,.... Lớp sinh viên cũng là cơ sở để hình thành các chi đoàn thanh niên, chi hội sinh viên. Sau 4 - 6 năm đối với đại học, sau 3 - 3,5 năm đối với Cao đẳng chuyên nghiệp chính quy sau khi tốt nghiệp thì lớp sinh viên tự giải thể. Số sinh viên chưa được tốt nghiệp do tích luỹ chưa đủ số tín chỉ thì sẽ chuyển về khoa chuyên ngành quản lý (Gọi là sinh viên vãng lai)
+ Mỗi lớp sinh viên có một tên riêng gắn với đơn vị đào tạo, khóa đào tạo và do đơn vị đào tạo quản lý trong suốt quá trình học tập.
+ Cố vấn học tập có nhiệm vụ hướng dẫn sinh viên về học vụ, giúp đỡ sinh viên lập kế hoạch học tập trong từng học kỳ và kế hoạch cho toàn bộ khóa học. Mỗi cố vấn học tập phụ trách từ 15 đến 20 sinh viên. Cố vấn học tập phải được phân công từ đầu khoá học cho tới khi sinh viên tốt nghiệp ra trường. Việc bố trí cố vấn học tập do viện, khoa, trung tâm phân công nhưng do tình hình thiếu giảng viên nên việc bố trí cố vấn học tập đồng thời là giáo viên chủ nhiêm, tối đa không quá 4 lớp;
+ Tổ chức hoạt động của lớp sinh viên, vai trò và trách nhiệm của cố vấn học tập được quy định trong Quy chế công tác sinh viên của trường Đại học Nguyễn Tất Thành.

Điều 8. Sắp xếp sinh viên vào học các chương trình (hoặc ngành đào tạo)

Nhà trường xác định điểm xét tuyển dựa vào kỳ thi tuyển sinh. Sinh viên đạt điểm xét tuyển sẽ được trường sắp xếp vào học các chương trình (hoặc ngành đào tạo) đã đăng ký. Trường hợp chuyển ngành học phải hội đủ 2 điều kiện: điểm đầu vào tương đương; chỉ được chuyển vào đầu năm học nhưng phải từ năm học thứ 2 trở đi.

Điều 9. Đăng ký khối lượng học tập.

1. Cuối năm học, phòng Đào tạo thông báo lịch trình học dự kiến cho từng chương trình trong từng học kỳ của năm học kế tiếp bao gồm: danh sách các học phần bắt buộc và tự chọn dự kiến sẽ dạy, điều kiện tiên quyết để được đăng ký học cho từng học phần, lịch kiểm tra và thi, hình thức kiểm tra và thi đối với các học phần. Sinh viên tùy theo khả năng và điều kiện học tập của mình, trước mỗi học kỳ đăng ký các lớp học phần cho học kỳ đó và các học kỳ còn lại của năm học (đầu mỗi học kỳ tiếp theo sinh viên có quyền thay đổi các học phần đã đăng ký trước khi phòng đào tạo chấp nhận mở lớp).

2. Khối lượng học tập mà mỗi SV phải đăng ký trong mỗi học kỳ: tối thiểu 9 tín chỉ và tối đa 25 tín chỉ (mỗi năm học là 3 học kỳ chính).
3. Việc đăng ký các học phần sẽ học cho từng học kỳ phải bảo đảm điều kiện tiên quyết, điều kiện môn học trước và môn học sau của từng học phần và trình tự học tập của mỗi chương trình cụ thể.
4. Đối với khóa mới nhập học, phòng đào tạo sẽ áp cứng cho sinh viên những học phần của học kỳ 1 và học kỳ 2. Từ học kỳ 3 đến cuối khóa học, sinh viên căn cứ vào các lớp học phần được mở, tự đăng ký học phần học tập qua mạng internet hoặc đăng ký tại phòng đa phương tiện.
5. Đối với học phần tự chọn, các khoa chọn và áp cứng cho sinh viên để phòng đào tạo căn cứ mở các lớp học phần cho toàn trường.
6. Sinh viên xem kết quả đăng ký học tập trên mạng internet. Nếu vướng mắc thì liên hệ tại khoa đề nghị giải quyết. Trường hợp khó khăn khoa không trực tiếp giải quyết được thì khoa tổng hợp báo cáo phòng đào tạo xem xét giải quyết.
7. Lớp học phần có chung số tín chỉ và nội dung học phần thì tất cả các sinh viên được phép đăng ký học không phân biệt Đại học hoặc Cao đẳng.
8. Có 3 hình thức đăng ký lớp học phần:

- Đăng ký sớm: trước thời điểm bắt đầu học kỳ 2 tháng
- Đăng ký bình thường trước thời điểm bắt đầu 2 tuần
- Đăng kỳ trễ thực hiên trong 2 tuần đầu của học kỳ.

9. Phòng Đào tạo thông báo công khai trên mạng ngày bắt đầu mở mạng cho sinh viên đăng ký và ngày kết thúc đăng ký lớp học phần

Điều 10. Rút bớt các học phần sau khi đăng ký

+ Sinh viên chỉ được rút bớt học phần đã đăng ký trong thời gian phòng Đào tạo chưa khóa lớp học phần.
+ Sau khi đã hết thời hạn cho phép rút bớt các học phần, những sinh viên đã được chấp nhận đăng ký các học phần thì phải đóng học phí toàn bộ những học phần đã được chấp nhận. Nếu đóng không đủ học phí các học phần, phòng Tài chính - Kế toán sẽ từ chối không cho đóng học phí các học phần còn lại. Khi đó sinh viên sẽ phải ngừng học vì không còn cơ hội để đăng ký các học phần khác trong học kỳ này.
+ Những học phần sinh viên đã đăng ký và đã đóng học phí mà không học thì được xem như tự ý bỏ học và phải nhận điểm F học phần đó.
+ Những học phần sinh viên đã đăng ký mà không đóng học phí sau khi đã hết hạn cho rút bớt học phần thì phải nhận điểm N* (Nợ) học phần đó, muốn đăng ký học lại học phần này sinh viên phải đóng học phí cho cả lần đăng ký trước.

Điều 11. Đăng ký học lại

1. Sinh viên có học phần bắt buộc bị điểm F phải đăng ký học lại từ đầu học phần đó cùng với các khóa khác ở một trong các học kỳ tiếp theo hoặc các lớp học phần được mở thường xuyên cho đến khi đạt điểm A, B, C hoặc D (Sinh viên phải thường xuyên theo dõi kế hoạch mở lớp học phần do phòng Đào tạo ban hành để đăng ký).

2. Sinh viên có học phần tự chọn bị điểm F phải đăng ký học lại học phần đó hoặc được đổi sang học phần tự chọn tương đương khác.
3. Sinh viên cùng lúc đăng ký học hai học phần tự chọn tương đương, trong đó có một học phần tự chọn chính và một học phần mở rộng. Nếu học phần tự chọn chính không đạt yêu cầu mà học phần mở rộng đạt yêu cầu thì được công nhận kết quả thay thế cho học phần tự chọn chính.
4. Những học phần học vượt (học phần mở rộng) bao gồm cả học phần bắt buộc và tự chọn nếu đạt yêu cầu sẽ được công nhận kết quả học tập để giúp sinh viên rút ngắn thời gian học tập.
5. Ngoài các trường hợp quy định tại khoản 1, 2 và 3 của điều này, sinh viên có học phần đạt điểm B,C,D được phép đăng ký học cải thiện điểm với điều kiện phải hủy điểm cũ thì mới được đăng ký học cải thiện điểm. Khi đã hủy điểm thì không được phục hồi lại điểm cũ. Để hủy điểm cũ, sinh viên phải làm đơn gửi khoa chủ quản học phần để tổng hợp và chuyển phòng Đào tạo giải quyết (đối với các học phần tự chọn sinh viên có thể đăng ký chuyển sang các học phần tự chọn tương đương và chỉ chọn trong khối ngành tương đương).

   Ví dụ: Nếu bị điểm F hoặc D ở lĩnh vực nhân văn nghệ thuật, muốn đổi sang học phần tự chọn khác cũng chỉ được chọn trong lĩnh vực nhân văn nghệ thuật và số tín chỉ phải tương đương.

Điều 12. Đăng ký các học phần mở rộng

+ Sinh viên tự nguyện đăng ký học các học phần mở rộng thì được chấp nhận. Khi kết thúc học phần nếu đạt yêu cầu thì được cấp chứng chỉ học phần đó, đồng thời được thể hiện trên bảng điểm toàn khoá nhưng không tính vào điểm trung bình chung tích luỹ khi xét tốt nghiệp (được bảo lưu 6 năm tính từ ngày cấp chứng chỉ).
+ Sinh viên đang học tập tại trường được đăng ký học các học phần mở rộng. Nếu sau đó sinh viên thi đậu vào 1 ngành học khác có học phần đó thì kết quả sẽ được bảo lưu.
+ Học phí của học phần mở rộng thu theo bậc đào tạo của học phần được mở và không có chế độ miễn giảm.

Điều 13. Nghỉ ốm

Sinh viên xin nghỉ ốm trong quá trình học hoặc trong đợt thi, phải viết đơn xin phép trưởng đơn vị đào tạo trong vòng 1 tuần kể từ ngày bị ốm, kèm với giấy chứng nhận của cơ quan y tế cấp quận, huyện. Nếu tỷ lệ nghỉ ốm vượt quá 20% thì việc cho thi hay không cho thi do trưởng khoa quyết định.

Điều 14. Xếp hạng năm đào tạo và học lực

1. Sau mỗi học kỳ, căn cứ vào khối lượng kiến thức tích lũy, SV được xếp hạng năm đào tạo như sau:

Sinh viên năm thứ nhất	Nếu khối lượng kiến thức tích lũy dưới 30 tín chỉ.
Sinh viên năm thứ hai	Nếu khối lượng kiến thức tích lũy từ 30 tín chỉ đến dưới 60 tín chỉ.
Sinh viên năm thứ ba	Nếu khối lượng kiến thức tích lũy từ 60 tín chỉ đến dưới 100 tín chỉ.

Sinh viên năm thứ tư	Nếu khối lượng kiến thức tích lũy từ 100 tín chỉ trở lên. (dành cho 4 năm)
Sinh viên năm thứ năm	Nếu khối lượng kiến thức tích lũy từ 100 tín chỉ đến dưới 140 tín chỉ. (dành cho 5 năm)
Sinh viên năm thứ sau	Nếu khối lượng kiến thức tích lũy từ 140 tín chỉ đến dưới 164 tín chỉ. (dành cho 6 năm)

2. Sau mỗi học kỳ, căn cứ vào điểm trung bình chung tích luỹ sinh viên được xếp hạng về học lực như sau:

+ Hạng bình thường: Nếu có điểm trung bình tích luỹ đạt từ 2,0 trở lên.
+ Hạng yếu: Nếu có điểm trung bình tích luỹ đạt dưới 2,0 nhưng chưa rơi vào trường hợp bị buộc thôi học.

Điều 15. Nghỉ học tạm thời

1. Sinh viên được quyền viết đơn gửi Hiệu trưởng xin nghỉ học tạm thời và bảo lưu kết quả đã học trong các trường hợp sau:

+ Được động viên vào các lực lượng vũ trang;
+ Bị ốm hoặc tai nạn phải điều trị thời gian dài, nhưng phải có giấy xác nhận của cơ quan y tế cấp quận, huyện trở lên;
+ Vì nhu cầu cá nhân. Trường hợp này, sinh viên phải học ít nhất một học kỳ ở trường, không rơi vào các trường hợp bị buộc thôi học quy định tại điều 16 của quy chế này và phải đạt điểm trung bình tích luỹ không dưới 2,0. Thời gian nghỉ học tạm thời vì nhu cầu cá nhân phải được tính vào thời gian học chính thức quy định tại Điều 6 của Quy chế này.

2. Sinh viên nghỉ học tạm thời khi muốn trở lại học tiếp tại trường phải viết đơn gửi Hiệu trưởng ít nhất một tháng trước khi bắt đầu học kỳ mới.

Điều 16. Cảnh báo kết quả học tập và buộc thôi học

1. Cảnh báo kết quả học tập:

   Sau học kỳ 2 mỗi năm học, sinh viên bị cảnh báo kết quả học tập nếu ĐTBC học kỳ 1 và học kỳ 2 đạt dưới 0,8 đối với năm học đầu; đạt dưới 1,0 đối với các học kỳ tiếp theo.

2. Buộc thôi học:

   Sau mỗi năm học, sinh viên bị buộc thôi học nếu rơi vào một trong các trường hợp sau:

+ Tự ý bỏ học ba học kỳ liên tiếp;
+ Có điểm trung bình chung tích luỹ đạt dưới 1,2 đối với sinh viên năm thứ nhất, dưới 1,4 đối với sinh viên năm thứ hai, dưới 1,6 đối với sinh viên năm thứ ba, dưới 1,8 đối với sinh viên năm cuối khoá.
+ Vượt quá thời gian được phép học tại trường như quy định tại điều 4 của quy chế này.
+ Bị kỷ luật vì lý do đi thi hộ hoặc nhờ người thi hộ trong các kỳ thi.

3. Chậm nhất là một tháng sau khi sinh viên có quyết định buộc thôi học, nhà trường thông báo về địa phương nơi sinh viên có hộ khẩu thường trú. Trường hợp những sinh

viên bị thôi học quy định tại mục 2 nếu có nhu cầu học chương trình trung cấp thì tùy theo từng trường hợp và mức độ vi phạm sẽ được xem xét cho học và được bảo lưu các học phần đã đạt điểm C trở lên.

Điều 17. Học cùng lúc hai chương trình;

1. Học cùng lúc hai chương trình dành cho sinh viên có đủ điều kiện theo quy định tại khoản 2 Điều này và có nhu cầu đăng ký học thêm một chương trình thứ hai để khi tốt nghiệp được cấp hai văn bằng.

2. Điều kiện để học cùng lúc hai chương trình:

a) Ngành đào tạo chính ở chương trình thứ hai phải khác ngành đào tạo chính ở chương trình thứ nhất;

b) Sau khi đã kết thúc học kỳ thứ nhất năm học đầu tiên của chương trình thứ nhất và sinh viên không thuộc diện xếp hạng học lực yếu;

c) Trong quá trình sinh viên học cùng lúc hai chương trình, nếu điểm trung bình chung học kỳ đạt dưới 2,00 thì phải dừng học thêm chương trình thứ hai ở học kỳ tiếp theo.

3. Thời gian tối đa được phép học đối với sinh viên học cùng lúc hai chương trình là thời gian tối đa quy định cho chương trình thứ nhất. Khi học chương trình thứ hai, sinh viên được bảo lưu điểm của những học phần có nội dung và khối lượng kiến thức tương đương có trong chương trình thứ nhất.

4. Sinh viên chỉ được xét tốt nghiệp chương trình thứ hai, nếu có đủ điều kiện tốt nghiệp ở chương trình thứ nhất.”

Điều 18. Chuyển trường

1. Sinh viên được xét chuyển trường nếu có các điều kiện sau đây:

+ Trong thời gian học tập, nếu gia đình chuyển nơi cư trú hoặc sinh viên có hoàn cảnh khó khăn, cần thiết phải chuyển đến trường gần nơi cư trú của gia đình để thuận lợi trong học tập;
+ Xin chuyển đến trường có cùng ngành hoặc thuộc cùng nhóm ngành với ngành đào tạo mà sinh viên đang học;
+ Được sự đồng ý của hiệu trưởng trường xin chuyển đi và trường xin chuyển đến;
+ Không thuộc một trong các trường hợp không được phép chuyển trường quy định tại khoản 2 điều này.

2. Sinh viên không được phép chuyển trường trong các trường hợp sau:

+ Sinh viên đã tham dự thi tuyển sinh theo đề thi chung, nhưng không trúng tuyển vào trường hoặc có kết quả thi thấp hơn điểm trúng tuyển của trường xin chuyển đến;
+ Sinh viên thuộc diện nằm ngoài vùng tuyển quy định của trường xin chuyển đến;
+ Sinh viên năm thứ nhất và năm cuối khoá;
+ Sinh viên đang trong thời gian bị kỷ luật từ cảnh cáo trở lên.

3. Thủ tục chuyển trường

+ Sinh viên xin chuyển trường phải làm hồ sơ xin chuyển trường theo quy định của nhà trường.

+ Hiệu trưởng nhà trường sẽ quyết định tiếp nhận hoặc không tiếp nhận đối với sinh viên xin chuyển đến. Đối với các trường hợp sinh viên được chấp nhận chuyển đến, Hiệu trưởng sẽ quyết định việc học tập tiếp tục của sinh viên, công nhận các học phần mà sinh viên chuyển đến, quy định việc chuyển đổi kết quả và số học phần phải học bổ sung trên cơ sở so sánh chương trình ở trường sinh viên xin chuyển đi và trường xin chuyển đến.

4. Trường hợp sinh viên chuyển ngành học thì những học phần đã được tích luỹ sẽ không phải học lại khi học ở ngành mới nếu ngành mới có học phần này. Thời gian có giá trị không quá thời gian tối đa được phép học tại trường tuỳ theo từng bậc học.

Chương III
KIỂM TRA VÀ THI HỌC PHẦN

Điều 19. Đánh giá học phần

1. Điểm đánh giá đối với học phần lý thuyết bao gồm: điểm kiểm tra thường xuyên (hoặc tiểu luận), điểm đánh giá nhận thức và thái độ tham gia thảo luận, điểm đánh giá bài tập lớn, điểm chuyên cần, điểm thi giữa kỳ và điểm thi kết thúc học phần, trong đó điểm thi kết thúc học phần là bắt buộc cho mọi trường hợp và phải có trọng số không dưới 50%.

   Việc lựa chọn các hình thức đánh giá bộ phận và trọng số của các điểm đánh giá bộ phận, cũng như cách tính điểm tổng hợp đánh giá học phần được quy định như sau:

a. Đối với những học phần không làm tiểu luận điểm học phần được tính:

- Đ.TKHP = 60% Đ.KTHP + 20% Đ.GK + 20% Đ.TBKTTX
- Đ.TKHP: Điểm tổng kết học phần
- Đ.KTHP: Điểm thi kết thúc học phần (phải ≥ 4 mới tính các điểm khác)
- Đ.GK: Điểm thi giữa kỳ
- Đ.TBKTTX: Điểm trung bình kiểm tra thường xuyên (bao gồm seminar, thảo luận nhỏ, kiểm tra miệng, kiểm tra 15 phút)
- Ví dụ 1: Điểm KTHP = 6; điểm GK = 7; Điểm TBKTTX = 5
  Đ.TKHP = 6x60% + 7x20% + 5x20% = 6
- Ví dụ 2: Điểm KTHP = 4; điểm GK = 7, Điểm TBKTTX = 5
  Đ.TKHP = 4x60% + 7x20% + 5x20% = 4,8 (HP này đạt)
- Ví dụ 3: Điểm KTHP = 3,8; điểm GK = 7; Điểm TBKTTX = 5
  Do điểm thi KTHP < 4 (KTHP = 3,8 nên học phần này chưa đạt).

b. Đối với những học phần có làm tiểu luận, thì áp dụng hình thức đánh giá như sau:

- Đ.TKHP = 50% Đ.KTHP + 20% Đ.GK + 30% Đ.TL
- Đ.TKHP: Điểm tổng kết học phần
- Đ.KTHP: Điểm thi kết thúc học phần (phải ≥ 4 mới tính các điểm thành phần, nếu nhỏ hơn 4 thì điểm tổng kết học phần là điểm F)
- Đ.GK: Điểm thi giữa kỳ
- Đ.TL: Điểm tiểu luận

2. Đối với học phần có cả lý thuyết và thực hành:

a. Đối với học phần không có tiểu luận:

- Điểm lý thuyết (ký hiệu là ĐLT): Là kết quả các điểm thành phần bao gồm điểm thường xuyên, điểm giữa kỳ, điểm kết thúc học phần nhân với trọng số của các điểm thành phần.
- Điểm thực hành (ký hiệu là ĐTH): là trung bình cộng của các bài tập cộng với điểm thi kết thúc thực hành (nếu có) chia cho 2.
- Điểm thực hành và điểm lý thuyết phải đạt yêu cầu thì mới được tính điểm tổng kết học phần.

  Nếu gọi: j_{lt} là trọng số của điểm lý thuyết, j_{th} là trọng số của điểm thực hành và N là số tín chỉ của học phần, thì điểm tổng kết học phần được tính:

$$ĐTKHP = \frac{ĐLT.j_{lt} + ĐTH.j_{th}}{N} \quad (3)$$

b. Đối với học phần có tiểu luận:

- Điểm lý thuyết: bao gồm điểm tiểu luận, điểm giữa kỳ, điểm kết thúc học phần nhân với trọng số của các điểm thành phần.
- Điểm thực hành là trung bình cộng của các bài tập cộng với điểm thi kết thúc thực hành (nếu có) chia cho 2
- ĐTKHP của loại học phần này cũng được tính theo công thức (3)

Ví dụ: Học phần … 3(2,1,6)

Điểm lý thuyết:

+ Điểm thường xuyên: 6,0 điểm
+ Điểm giữa kỳ: 5,0 điểm
+ Điểm kết thúc phần lý thuyết: 7,0 điểm

Điểm thực hành:

+ Bài tập 1: 6,0 điểm
+ Bài tập 2: 6,5 điểm
+ Bài tập 3 : 7,0 điểm
+ Điểm thi kết thúc thực hành: 7,5 điểm(nếu có). Nếu không có thi kết thúc thực hành thì lấy điểm trung bình cộng của các bài tập thực hành thay cho điểm tổng kết phần thực hành.

Cách tính:

a. Môn không có tiểu luận:

Phần lý thuyết

+ 6 x 20% = 1,2
+ 5 x 20% = 1,0
+ 7 x 60% = 4,2

Cộng : 6,4

Phần thực hành.

+ Bài tập 1: 6,0 điểm
+ Bài tập 2: 6,5 điểm
+ Bài tập 3 : 7 điểm
+ Điểm trung bình 6,5
+ Điểm thi kết thúc thực hành: 7,5

Vậy điểm tổng kết thực hành: (6,5 + 7,5) : 2 = 7,0

Kết luận: Điểm tổng kết học phần = (6,4 x 2 + 7,0 x 1): 3 = 6,6

b. Môn có tiểu luận:

Phần lý thuyết

+ 6 x 30% = 1,8
+ 5 x 20% = 1,0
+ 7 x 50% = 3,5

Cộng : 6,3

Phần thực hành

+ Bài tập 1: 6 điểm
+ Bài tập 2: 6,5 điểm
+ Bài tập 3 : 7,0 điểm
+ Điểm trung bình: 6,5
+ Điểm thi kết thúc thực hành: 7,5

Vậy điểm tổng kết thực hành: (6,5 + 7,5):2 = 7,0

Kết luận:

Điểm tổng kết học phần = (6,3 x 2 + 7 x 1) : 3 = 6,5

c. Giảng viên phụ trách học phần nhận đề thi từ khảo thí hoặc trực tiếp ra đề thi, đề kiểm tra và cho điểm đánh giá bộ phận. Đề thi giữa kỳ và kết thúc học phần: phần lý thuyết giảng viên phải nhận đề thi từ phòng khảo thí, phần thực hành giảng viên nhận từ khoa.

3. Các học phần chỉ có thí nghiệm, thực hành

+ Sinh viên phải tham dự đầy đủ các bài thí nghiệm, thực hành. Điểm tổng kết của học phần thí nghiệm, thực hành là điểm trung bình cộng của điểm các bài thí nghiệm, thực hành trong học kỳ được làm tròn đến một chữ số thập phân.
+ Đối với những học phần thực hành có thi kết thúc, nếu điểm trung bình cộng các bài tập không đạt thì sinh viên phải học lại học phần đó và được miễn học và thi những bài tập đã đạt;
+ Giảng viên phụ trách học phần trực tiếp ra đề thi, đề kiểm tra và cho điểm đánh giá bộ phận. Riêng đề thi kết thúc học phần giảng viên phải nhận từ khoa.

<u>Ghi chú:</u>

A. Thi giữa học phần

+ Giữa học phần chỉ thi một lần.
+ Sinh viên thi giữa học phần không đạt vẫn tiếp tục học cho đến khi thi kết thúc học phần. Trước khi thi kết thúc học phần, những sinh viên có thái độ học tập tốt, chuyên cần sẽ được giáo viên giảng dạy học phần đó quyết định việc cho thi hay cấm thi. Nếu bỏ thi giữa kỳ (không lí do) thì nhận điểm 0 và bị cấm thi. Các trường hợp có lí do chính đáng thì giảng viên chủ động tổ chức cho thi trước khi thi kết thúc học phần đề thi nhận từ khảo thí.

B. Thi kết thúc học phần

+ Sinh viên có điểm tiểu luận ≥ 4 (thang điểm 10) và có điểm thi giữa kỳ thì mới được thi kết thúc học phần. Thi kết thúc học phần chỉ được thi 1 lần. Những sinh viên không đạt và những sinh viên không được dự thi kết thúc học phần thì phải học lại từ đầu học phần đó cùng với các lớp khoá sau hoặc các lớp học phần được mở thường xuyên. Hệ vừa làm vừa học, hệ liên thông được phép đăng ký học lại chung với các lớp chính quy cùng bậc và ngược lại nhưng số tín chỉ của học phần đó phải giống nhau. Trường hợp có 1 số học phần ở bậc đại học và cao đẳng chuyên nghiệp có nội dung và số tín chỉ

giống nhau thì giữa các bậc được học chung với nhau trong 1 lớp học phần. (học phí hệ nào đóng theo hệ ấy, tính giờ dạy giáo viên cho bậc học được mở chính)

+ Lớp học phần phải có từ 30 sinh viên trở lên mới được mở lớp.Tuy nhiên để tạo điều kiện cho những sinh viên học cải thiện hoặc học lại có thể mở lớp học phần với sĩ số tối thiểu là 15 sinh viên nhưng chỉ trong trường hợp học kỳ đó và học kỳ tiếp theo không có lớp học phần này. Các đơn vị đào tạo thông báo để sinh viên đăng kí, khi đủ sĩ số thì đề nghị phòng Đào tạo cho mở lớp học phần. Tuy nhiên việc xin mở lớp học phần loại này phải có lí do chính đáng. Những trường hợp đặc biệt do không mở được lớp học phần thì xin ý kiến Hiệu trưởng để giải quyết từng trường hợp cụ thể.
+ Về hình thức thi: Nhà trường khuyến khích phương pháp thi trắc nghiệm. Giảng viên phải phổ biến hình thức thi cho sinh viên biết ngay từ buổi học đầu tiên.
+ Sinh viên không đạt điểm tiểu luận thì được làm lại một lần trước khi thi kết thúc học phần và được công nhận kết quả mới.
+ **Nếu điểm thi kết thúc học phần < 4 thì điểm tổng kết học phần lấy bằng điểm thi kết thúc học phần.**

C. Làm tiểu luận, bài tập lớn

+ Sinh viên hoặc nhóm sinh viên được nhận đề tài làm tiểu luận từ khi bắt đầu vào học học phần để có điều kiện nghiên cứu, tham khảo tài liệu, hoàn thành tiểu luận.
+ Mỗi học phần phải có sẵn các đề tài, để mỗi nhóm từ 3 đến 10 sinh viên chọn một đề tài (Tuỳ theo từng học phần mà đề tài có thể thực hiện theo nhóm hoặc cá nhân).
+ Mỗi buổi lên lớp học phần đó, giảng viên giành ít thời gian để kiểm tra, nhắc nhở và hướng dẫn các nhóm, cá nhân thực hiện đề tài.
+ Đề tài được phân ra từng phần (tối thiểu 2 phần). Giáo viên quy định thời gian hoàn thành và chấm từng phần đề tài. Điểm chung của đề tài là điểm trung bình cộng của từng phần đề tài.
+ Phần nào của đề tài chưa đạt sinh viên phải làm lại phần đó. Nếu làm lại vẫn không đạt thì sinh viên chỉ phải làm lại lần thứ hai những phần chưa đạt và nộp tiểu luận hoàn chỉnh. Nếu điểm tiểu luận cuối cùng <4 thì học phần đó không đạt và phải học lại từ đầu.
+ Đối với bài tập lớn quy trình thực hiện áp dụng theo quy trình làm tiểu luận.
+ Đối với học phần thực hành: giữa học phần phải có bài tập tổng hợp các kỹ năng đã học, kết thúc học phần phải có bài tập tổng hợp đánh giá toàn bộ kỹ năng được học.
+ Giảng viên phải thông báo kết quả chấm tiểu luận hoặc bài tập lớn sau 10 ngày kể từ ngày sinh viên nộp tiểu luận và phải trước khi thi kết thúc học phần 1 tuần.

Điều 20. Tổ chức kỳ thi kết thúc học phần

+ Cuối mỗi học kỳ, Nhà trường tổ chức kỳ thi kết thúc học phần. Sinh viên không đạt phải đăng kí học lại học phần đó.
+ Những học phần nào kết thúc sớm thì được tổ chức thi sớm (nhưng phải sau 1 tuần khi kết thúc môn học)

Điều 21. Ra đề thi, hình thức thi, chấm thi, lưu trữ điểm thi kết thúc học phần.

A. Ra đề thi:

+ Nội dung đề thi phải thể hiện hai phần, phần cốt lõi và phần nâng cao. Phần cốt lõi phải phù hợp với nội dung kiến thức cơ bản của học phần đã quy định trong chương trình, phần nâng cao nhằm đánh giá kiến thức mở rộng, sáng tạo của sinh viên. Quy trình ra đề thi kết thúc học phần do Hiệu trưởng quy định.
+ Đề thi kết thúc học phần phải phù hợp với nội dung học phần đã quy định trong chương trình. Đề thi được lấy từ ngân hàng câu hỏi hoặc được biên soạn theo quy định của Hiệu trưởng.

B. Hình thức thi:

Hình thức thi kết thúc học phần có thể là Thi trắc nghiệm, tự luận, thi online hoặc kết hợp giữa các hình thức trên. Hiệu trưởng duyệt các hình thức thi thích hợp cho từng học phần.

C. Chấm thi:

1. Việc chấm thi thực hành phải thực hiện theo mẫu phiếu chấm thi theo quy định, trong đó tương ứng với mỗi nội dung đánh giá, giáo viên phải ghi ý kiến nhận xét, điểm từng phần và điểm tổng vào phiếu chấm thi. Điểm thi được công bố sau mỗi buổi thi khi hai giáo viên chấm thi thống nhất được điểm chấm. Trong trường hợp hai giáo viên chấm thi không thống nhất được mức điểm thì trình Trưởng bộ môn hoặc Trưởng đơn vị đào tạo quyết định. Việc chấm thi tự luận do giáo viên bộ môn đảm nhận.
2. Các điểm thi kết thúc học phần phải ghi vào bảng điểm theo mẫu thống nhất của trường, có chữ ký của giáo viên chấm thi và có xác nhận của trưởng bộ môn hoặc trưởng khoa. Điểm thi kết thúc học phần phải được công bố chậm nhất 10 ngày kể từ ngày thi.
3. Sinh viên vắng mặt trong kỳ thi kết thúc học phần, nếu không có lý do chính đáng coi như đã dự thi và phải nhận điểm 0. Trường hợp đặc biệt có lý do chính đáng sẽ được thi cùng với lớp học phần kế tiếp nhưng không phải học lại. Sinh viên phải nộp đơn nêu rõ lý do cho giáo viên bộ môn để trình trưởng đơn vị đào tạo quyết định sau đó chuyển về phòng Đào tạo để đưa tên vào lớp học phần, khi đó mới có tên trong danh sách dự thi. Thời gian nộp đơn không quá 10 ngày kể từ ngày thi. Sinh viên phải chủ động liên hệ với đơn vị đào tạo để đăng ký dự thi với lớp học phần kế tiếp.
4. Sinh viên được quyền làm đơn (nộp tại khoa) xin phúc khảo về điểm thi kết thúc học phần. Thời gian xin phúc khảo không quá 1 tuần kể từ ngày công bố kết quả thi kết thúc học phần. Việc tổ chức chấm phúc khảo do khoa chủ quản học phần quyết định, duyệt vào đơn của sinh viên. Kết quả chấm phúc khảo phải chuyển về phòng đào tạo để điều chỉnh điểm (kèm theo đơn, bài thi, bảng điểm). Thời hạn chấm phúc khảo không quá 10 ngày kể từ ngày nhận đơn.

D. Ghi và lưu trữ điểm, lưu trữ bài thi kết thúc học phần (kể cả lý thuyết và thực hành)

1. Thi tự luận giáo viên phải ghi vào bảng điểm theo mẫu thống nhất của trường bao gồm: Danh sách sinh viên dự thi có chữ ký của sinh viên, chữ ký của giáo viên coi thi, giáo viên chấm thi và nộp về các đơn vị đào tạo để lưu trữ.

2. Thi trắc nghiệm

+ Khoa,viện, trung tâm chuyển danh sách dự thi có chữ ký của thí sinh và bài Thi trắc nghiệm về phòng Khảo thí ngay sau khi tổ chức thi xong, đối với các cơ sở ở xa thì chuyển bài thi và danh sách dự thi có chữ ký của sinh viên về bộ phận khảo thí của cơ sở để scan về trung tâm khảo thi chấm thi.
+ Phòng Khảo thí chấm trắc nghiệm khách quan xong đổ điểm vào hệ thống và in 01 bảng điểm có chữ ký của cán bộ chấm thi và Trưởng phòng khảo thí gửi kèm theo danh sách sinh viên dự thi về các đơn vị đào tạo để thông báo điểm cho sinh viên.

3. Thi online

+ Khi sinh viên thi xong, máy tính tự chấm điểm, Phòng Khảo thí quản lý kết quả thi tại máy chủ và in bảng điểm ra thành hai bảng có chữ ký của người in và Trưởng phòng khảo thí; một bảng gửi về phòng Đào tạo kèm theo danh sách sinh viên dự thi, một bản gửi về các đơn vị đào tạo để thông báo điểm cho sinh viên.

4. Chậm nhất một tuần sau khi thi xong giảng viên phải nộp bảng điểm thi kết thúc học phần về phòng đào tạo để công bố điểm cho sinh viên, việc công bố kết quả điểm thi là 10 ngày sau khi thi.
5. Lưu trữ bảng điểm và bài thi:

+ Bảng điểm kết thúc học phần được lưu trữ cho đến khi sinh viên tốt nghiệp mới được phép hủy;
+ Bảng điểm toàn khóa được lưu trữ vĩnh viễn;
+ Hình thức lưu trữ của hai loại bảng điểm trên bằng giấy và file điện tử tại phòng Đào tạo và các đơn vị đào tạo;
+ Các bài thi viết, tiểu luận, bài tập lớn, … được lưu trữ ít nhất 1 năm, kể từ ngày thi hoặc ngày nộp tiểu luận hoặc bài tập lớn.

Điều 22. Cách tính điểm đánh giá bộ phận, điểm học phần

1. Điểm đánh giá bộ phận và điểm kết thúc học phần được chấm theo thang điểm 10 (từ 0 đến 10), làm tròn đến một chữ số thập phân.
2. Điểm học phần là tổng điểm của tất cả các điểm đánh giá bộ phận của học phần nhân với trọng số tương ứng. Điểm học phần làm tròn đến một chữ số thập phân sau đó được chuyển thành điểm chữ như sau:

a. Loại đạt gồm:

A (8,5 – 10) : Giỏi
B (7,0 – 8,4) : Khá
C (5,5 – 6,9) : Trung bình
D (4,0 – 5,4) : Trung bình yếu

b. Loại không đạt: F (dưới 4,0) : Kém
c. *Cảnh báo*:

+ Sinh viên bị nhiều điểm D trong mỗi học kỳ và từng năm học hãy thận trọng vì rất khó vượt qua mỗi năm học tiếp hoặc xét tốt nghiệp do điểm trung bình tích lũy dưới mức điểm (2.00) theo thang điểm 4

+ Những sinh viên xin học cải thiện điểm phải cẩn trọng trước khi quyết định vì phải hủy điểm cũ và chấp nhận điểm mới nhưng đôi khi điểm mới không bằng điểm cũ.

d. Đối với những học phần được nhà trường cho phép chuyển điểm, khi xếp mức đánh giá được sử dụng ký hiệu R viết kèm với kết quả.

3. Việc xếp các mức điểm A, B, C, D, F được áp dụng cho các trường hợp sau đây:

+ Đối với những học phần mà sinh viên đã có đủ điểm đánh giá bộ phận;
+ Nếu bỏ học, bỏ thi kết thúc học phần không lý do phải nhận điểm 0 (điểm F);

4. Việc xếp loại ở mức điểm F ngoài những trường hợp như đã nêu ở khoản 3 điều này, còn áp dụng cho trường hợp sinh viên vi phạm nội quy, có quyết định kỷ luật phải nhận mức điểm F.

5. Ký hiệu R (miễn học) được áp dụng cho trường hợp sau đây:
Những học phần được công nhận kết quả khi sinh viên chuyển từ trường khác đến hoặc chuyển đổi giữa các chương trình.

Điều 23. Cách tính điểm trung bình chung (làm tròn đến hai số thập phân)

Để tính ĐTBCHK và ĐTBCTL thì mức điểm chữ của mỗi học phần phải được qui đổi qua điểm số như sau:

A tương ứng với 4
B tương ứng với 3
C tương ứng với 2
D tương ứng với 1
F tương ứng với 0

Ví dụ dưới đây trình bày tình hình đăng ký học phần cùng với kết quả thi kết thúc học phần của sinh viên B trong học kỳ 1 và học kỳ 2

+ Học kỳ 1:

HP1: 2 tín chỉ; 5 điểm = điểm D tương ứng 1
HP2: 3 tín chỉ; 6 điểm = điểm C tương ứng 2
HP3: 2 tín chỉ; 7 điểm = điểm B tương ứng 3
HP4: 3 tín chỉ; 2 điểm (không tính) = điểm F
HP5: 2 tín chỉ; 8 điểm = điểm B tương ứng 3

+ Học kỳ 2:

HP6: 2 tín chỉ; 6 điểm = điểm C tương ứng 2
HP7: 3 tín chỉ; 7 điểm= điểm B tương ứng 3
HP8: 2 tín chỉ; 2 điểm (không tính)= điểm F
HP9: 3 tín chỉ; 2 điểm (không tính)= điểm F
HP10: 2 tín chỉ; 8 điểm = điểm B tương ứng 3

Theo thống kê trên, điểm trung bình chung học kỳ 2 của sinh viên B tính theo thang điểm 4 được xác định theo công thức (1):

$$(\text{ĐTBCHK})_2 = \frac{\sum_{i=1}^{n} m_i . j_i}{\sum_{i=1}^{n} j_i} = \frac{2.2 + 3.3 + 3.2 + 0.2 + 0.3}{2 + 3 + 2 + 2 + 3} = \frac{19}{12} = 1{,}58$$

và điểm trung bình chung tích lũy của sinh viên B học kỳ 2 tính theo thang điểm 4 được xác định theo công thức (2):

$$(ĐTBCTL)_2 = \frac{\sum_{i=1}^{n} m_i . j_i}{\sum_{i=1}^{n} j_i} = \frac{2.2 + 3.3 + 3.2}{2 + 3 + 2} = \frac{19}{7} = 2{,}71$$

+ ĐTBC học kỳ là căn cứ để xét học bổng cho sinh viên. Số tín chỉ tối thiểu sinh viên phải học trong mỗi năm học là:

  Đối với hệ Đại học:

  + 36 tín chỉ đối với chương trình đào tạo có từ 140 đến 150 tín chỉ;
  + 39 tín chỉ đối với chương trình đào tạo có từ 151 đến 200 tín chỉ.

  Đối với hệ Cao đẳng chuyên nghiệp:

  + 36 tín chỉ đối với chương trình đào tạo có từ 100 đến 110 tín chỉ;
  + 39 tín chỉ đối với chương trình đào tạo có từ 111 đến 125 tín chỉ.

+ Điểm trung bình chung năm học là căn cứ để xét khen thưởng, thôi học, xếp hạng học lực sau mỗi năm học;
+ Điểm trung bình chung tích luỹ là căn cứ để xét tốt nghiệp.

  Lưu ý:

+ Học bổng chỉ được cấp trong thời gian học chính khóa, không tính thời gian tạm dừng, kéo dài và thời gian học lấy bằng thứ hai.
+ Đối với loại hình đào tạo liên thông, vừa làm vừa học không được cấp học bổng.

Chương IV
XÉT VÀ CÔNG NHẬN TỐT NGHIỆP

Điều 24. Thực tập cuối khóa, khoá luận tốt nghiệp hoặc học bổ sung

1. Thực tập cuối khoá: Sinh viên phải học xong tất cả học phần thuộc khối kiến thức giáo dục chuyên nghiệp và được nợ tối đa 2 học phần. Trường hợp đặc biệt có thể đi thực tập sớm nhưng phải tích lũy 90% tổng số tín chỉ thuộc khối giáo dục kiến thức nghề nghiệp. Học phần thực tập cuối khóa của hệ đại học và hệ Cao đẳng chuyên nghiệp đều có khối lượng 5 tín chỉ và được thực hiện với thời gian 2 tháng. Tuy nhiên tùy theo từng chương trình đào tạo đặc thù mà thời gian thực tập tốt nghiệp cũng không được quá 3 tháng.
2. Khoá luận tốt nghiệp (bao gồm đồ án tốt nghiệp dành cho khối công nghệ, khóa luận tốt nghiệp dành cho khối kinh tế):

+ Sinh viên được làm khoá luận tốt nghiệp khi có điểm trung bình chung tích lũy từ khá trở lên. Khóa luận tốt nghiệp là học phần có khối lượng 7 tín chỉ đối với hệ Đại học và 5 tín chỉ đối hệ Cao đẳng chuyên nghiệp. Những sinh viên muốn làm khóa luận tốt nghiệp thì phải học cải thiện điểm nếu đạt điểm khá trở lên thì sẽ được làm khóa luận tốt nghiệp.
+ Thời gian sinh viên được làm khoá luận tốt nghiệp sẽ do khoa quy định. Tuy nhiên sau khi kết thúc thực tập, nếu điểm thực tập < 3 (tính theo thang điểm 4) thì sinh viên không được tiếp tục làm khóa luận tốt nghiệp mà phải học bổ sung.

3. Học bổ sung:

+ Những sinh viên không đủ điều kiện để làm khóa luận tốt nghiệp được đăng ký học bổ sung một số học phần có khối lượng 7 tín chỉ đối với hệ đại học và 5 tín chỉ đối với hệ Cao đẳng (tương đương với khối lượng của khóa luận).
+ Trường hợp sinh viên được làm khóa luận tốt nghiệp nhưng có nguyện vọng học bổ sung, nhà trường chấp thuận cho học bổ sung mà không làm khóa luận tốt nghiệp và chỉ được chọn một trong hai hình thức trên.
+ Việc mở các lớp học phần học bổ sung để xét tốt nghiệp sẽ được tổ chức mỗi năm 3 lần vào đầu của mỗi học kỳ.

4. Thời điểm để xét làm khoá luận tốt nghiệp:

+ Đối với hệ chính qui, hệ vừa làm vừa học: khi sinh viên tích luỹ đủ số tín chỉ trong chương trình đào tạo (không tính 12 tín chỉ đối với Đại học và 10 tín chỉ đối với Cao đẳng chuyên nghiệp phần dành cho Thực tập tốt nghiệp và Khoá luận tốt nghiệp) thì sẽ được xét làm khoá luận tốt nghiệp.
+ Đối với hệ liên thông: khi sinh viên tích luỹ đủ số tín chỉ trong chương trình đào tạo (không tính 7 tín chỉ đối với Đại học và 5 tín chỉ đối với Cao đẳng phần dành cho Khoá luận tốt nghiệp) thì sẽ được xét làm khoá luận tốt nghiệp.

5. Sinh viên đang bị truy cứu trách nhiệm hình sự thì không được đăng ký làm khóa luận tốt nghiệp hoặc học bổ sung.

Điều 25. Chấm khoá luận tốt nghiệp (hoặc bảo vệ khóa luận tốt nghiệp)

+ Việc chấm khóa luận tốt nghiệp hay bảo vệ khóa luận tốt nghiệp do khoa quyết định.
+ Hiệu trưởng quyết định danh sách giảng viên chấm khoá luận tốt nghiệp, hoặc hội đồng chấm khóa luận tốt nghiệp. Việc chấm khoá luận tốt nghiệp phải do 2 giảng viên đảm nhận.
+ Điểm khóa luận tốt nghiệp được chấm theo thang điểm chữ theo quy định tại các mục a và b khoản 2 Điều 21 của Quy chế này. Kết quả chấm khóa luận tốt nghiệp được công bố chậm nhất là 3 tuần, kể từ ngày nộp khoá luận tốt nghiệp.
+ Điểm khóa luận tốt nghiệp được tính vào điểm trung bình chung tích luỹ của toàn khóa học.
+ Sinh viên có khóa luận tốt nghiệp bị nhận điểm F phải đăng ký học bổ sung với khoá sau.

Điều 26. Điều kiện xét tốt nghiệp và công nhận tốt nghiệp

1. Những sinh viên có đủ các điều kiện sau thì được xét tốt nghiệp:
+ Cho đến thời điểm xét tốt nghiệp, không bị truy cứu trách nhiệm hình sự, hoặc không đang trong thời gian bị kỷ luật ở mức đình chỉ học tập;
+ Tích lũy đủ số học phần quy định trong chương trình đào tạo;
+ Điểm trung bình chung tích luỹ của toàn khoá học đạt từ 2,0 trở lên;
+ Có các Chứng chỉ GD quốc phòng và GD thể chất (đối với chương trình Đại học liên thông 1,5 năm, Cao đẳng chuyên nghiệp liên thông và đại học vừa làm vừa học được miễn). Riêng Đại học liên thông 3 năm thì học bổ sung 2 tín chỉ giáo dục thể chất và 2 tín chỉ giáo dục quốc phòng;
+ Có chứng chỉ ngoại ngữ, tin học, kỹ năng mềm theo chuẩn đầu ra
2. Những trường hợp đủ điều kiện tốt nghiệp sớm hoặc muộn so với thời gian thiết kế của khóa học, sinh viên phải làm đơn nộp về khoa. Khoa có trách nhiệm kiểm tra và nộp về phòng đào tạo để xét tốt nghiệp.
3. Sau mỗi học kỳ, căn cứ đơn xin xét tốt nghiệp, hội đồng xét tốt nghiệp căn cứ các điều kiện công nhận tốt nghiệp quy định tại khoản 1 điều này để lập danh sách những sinh viên đủ điều kiện tốt nghiệp.

   Hội đồng xét tốt nghiệp do Hiệu trưởng hoặc Phó Hiệu trưởng được Hiệu trưởng uỷ quyền làm Chủ tịch, Phòng Đào tạo làm thư ký và các thành viên là các trưởng khoa chuyên môn, trưởng phòng TTGD&QLHSSV.
4. Căn cứ đề nghị của Hội đồng xét tốt nghiệp, Hiệu trưởng ký quyết định công nhận tốt nghiệp cho những sinh viên đủ điều kiện tốt nghiệp.

Điều 27. Cấp bằng tốt nghiệp, bảo lưu kết quả học tập, chuyển chương trình đào tạo và chuyển loại hình đào tạo

1. Bằng tốt nghiệp Đại học, Cao đẳng được cấp theo ngành đào tạo chính. Hạng tốt nghiệp được xác định theo điểm trung bình chung tích luỹ của toàn khoá học, như sau:
+ Loại xuất sắc đạt điểm trung bình chung tích luỹ từ 3,60 đến 4,00;
+ Loại giỏi đạt điểm trung bình chung tích luỹ từ 3,20 đến 3,59;
+ Loại khá đạt điểm trung bình chung tích luỹ từ 2,50 đến 3,19;

+ Loại trung bình đạt điểm trung bình chung tích luỹ từ 2,00 đến 2,49.

2. Hạng tốt nghiệp của những sinh viên đã bị kỷ luật trong thời gian học từ mức cảnh cáo trở lên sẽ bị giảm đi một mức.
3. Kết quả học tập của sinh viên phải được ghi vào bảng điểm theo từng học phần. Trong bảng điểm còn phải ghi chuyên ngành (hướng chuyên sâu) hoặc ngành phụ nếu có.
4. Sinh viên không tốt nghiệp được cấp giấy chứng nhận về các học phần đã học trong chương trình đào tạo. Những sinh viên này nếu có nguyện vọng, được quyền làm đơn xin phép chuyển qua học các chương trình đào tạo khác của trường nhưng ở bậc học thấp hơn.
5. Mỗi năm nhà trường tổ chức 2 đợt trao bằng tốt nghiệp cho những sinh viên đã được công nhận tốt nghiệp

Chương V
XỬ LÝ VI PHẠM

Điều 28: Xử lý kỷ luật đối với SV vi phạm các quy định về thi, kiểm tra

+ Trong khi kiểm tra thường xuyên, chuẩn bị tiểu luận, bài tập lớn, thi giữa học phần, thi kết thúc học phần, chuẩn bị đồ án, khoá luận tốt nghiệp, nếu vi phạm quy chế, sinh viên sẽ bị xử lý kỷ luật với từng học phần đã vi phạm.
+ Sinh viên đi thi hộ hoặc nhờ người khác thi hộ trong các kỳ thi, đều bị kỷ luật bằng hình thức buộc thôi học.
+ Trừ trường hợp được quy định tại khoản 2 điều này, mức độ sai phạm và khung xử lý kỷ luật đối với sinh viên vi phạm được thực hiện theo quy định của quy chế tuyển sinh đại học, cao đẳng hệ chính quy.

Điều 29. Điều khoản thi hành

Quy chế này được áp dụng cho bậc đại học (cấp đại học và cấp Cao đẳng) của Trường Đại học Nguyễn Tất Thành. Việc điều chỉnh bổ sung các điều khoản của quy chế này do Hiệu trưởng quyết định.

HIỆU TRƯỞNG

TS. Nguyễn Mạnh Hùng